

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA VÌ – TP. HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2019/HS-ST

Ngày: 30/9/2019.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Phúc Thịnh;**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: **Nguyễn Xuân Thuật;**

Bà: **Đặng Thị Minh Anh;**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quyên** – Thư ký Tòa án;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì , TP. Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thái Bình** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 2 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phan Quý Đ, sinh năm: 1993; HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn PX, xã PC, huyện BV, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Văn Kh, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1968; vợ : chưa có ; con : 01 con Phùng Thị Phương L, sinh năm 2014; Tiền án : 01 Tiền án, tại Bản án HSST số: 16/2015/HSST ngày 06/02/2015,

TAND huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội “Giao cấu với trẻ em”. Tiền sự : không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/5/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

- Anh Nguyễn Hữu C, sinh năm 1967 (đã chết ngày 14/7/2018, nguyên nhân chết: Bệnh)

- Chị Nguyễn Thị C1, sinh năm 1976.

Điều trú quán: Thôn DL, xã TA, huyện BV, TP. Hà Nội. (Chị C1 vắng mặt tại phiên tòa)

*** Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Hữu C:**

- Chị Nguyễn Thị C1, sinh năm 1976.

- Cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 17/9/1999.

- Cháu Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm 07/3/2003.

- Cháu Nguyễn Hữu S, sinh ngày 05/11/2014.

Điều trú quán: Thôn DL, xã TA, huyện BV, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Huyền, cháu Tr, cháu S là chị Nguyễn Thị C1, sinh năm 1976. (Chị C1 vắng mặt tại phiên tòa)

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Phan Văn H1, sinh năm 1960.

Trú quán: Thôn PX, xã PC, huyện BV, Thành phố Hà Nội. (ông H1 vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do chị Nguyễn Thị C1 và bị cáo Phan Anh V có hợp đồng vay tiền từ trước, nhưng chị C1 chưa trả hết nợ cho V. Do đó với mục đích đòi nợ, sáng ngày 07/5/2018 Phan Văn V có rủ Phan Quang H2 và Phan Quý

Đ và Nguyễn Hữu T đi vào nhà chị C1 để đòi nợ. Khi đi T là người điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, màu trắng có BKS 30E – 715.41 của V chở V, H2, Đ vào nhà chị C1. Khi đến nơi, T, V, H2 và Đ xuống xe đi vào nhà, lúc này chỉ có chồng chị C1 là anh Nguyễn Hữu C ở nhà. Một lúc sau, chị C điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Lead, màu vàng nhạt có BKS 29V1-085.84 của gia đình chị C về và dựng xe ở sân rồi đi vào nhà. Thấy chị C, V liền nói “Hôm nay em vào lấy tiền”. Chị C1 nói “Bây giờ chị phá sản rồi, chị xin lỗi, còn gốc thì để thời gian chị trả dần”. Thấy chị C1 nói vậy, T đi ra ngoài thêm nhà và ra xe ô tô ngồi. V không đồng ý và nói với chị C1 “Bây giờ chị không có tiền thì chị đưa cho bọn em cái xe máy, mai, ngày kia anh chị có tiền ra thì em trả lại xe”. Chị C1 nói “Giờ chị phá sản rồi, còn mỗi cái xe này để đi làm”. Huy nói với chị C1 “Bà nợ tiền anh em tôi, không trả bây giờ lại bảo phá sản”, Đăng nói “Bà định bùng à?”. Sau đó, Đăng cầm chiếc ca nhựa đựng nước màu xanh đang để dưới chiếu chải ở phòng khách nhà chị C1 ném về phía người chị C1 và trúng vào phần ngực của chị C1. Tiếp đó, Huy nói “Em không biết, chị nợ lâu quá rồi, bọn em cứ mang xe về làm tin, tối chị ra nói chuyện thì bọn em trả xe”. Lúc này, V ngồi cạnh chị C1 dùng tay lục soát túi quần của chị C1 để tìm chìa khóa chiếc xe máy chị C1 vừa đi về nhưng không thấy. V liền đứng dậy đi vào buồng ngủ nhà chị C1 để tìm chìa khóa xe. Thấy vậy, anh C (chồng chị C1) cũng đứng dậy đi cùng V vào buồng. V tìm kiếm chìa khóa xe máy trong buồng nhưng không có. V đi ra ngoài và nhìn vào chiếc túi xách của chị C1 vừa mang về để ở dưới nền gạch thì thấy anh Căn dùng tay cầm chìa khóa xe máy trên mặt bàn cho vào túi quần. Thấy vậy, V đi theo anh Căn và bảo “Ông đưa chìa khóa đây”. Anh Căn không đưa chìa khóa xe máy và nói “Xe này không phải xe của nó”. Lúc này, V dùng tay trái và một cái vào vùng đầu của anh C đồng thời H2 chạy đến dùng tay phải tát một phát vào má phải của anh C và nói “Ông đưa chìa khóa đây”. Anh C vẫn cương quyết không đưa chìa khóa xe. H2 tiếp tục dùng tay phải tát một phát vào má trái của anh C để buộc anh C phải đưa chìa khóa xe máy. Thấy vậy, chị C1 có bảo với anh C đưa chìa khóa xe máy cho V. Anh C đưa chìa khóa xe máy cho V. Sau đó, chị C1 có xin lấy một số giấy tờ để trong cốp xe. V có mở cốp chiếc

xe máy đưa cho chị C1 một số giấy tờ và đưa chìa khóa cho Đ và bảo Đ điều khiển xe máy đi về phía quán cầm đồ biển, còn V và H2 lên xe ô tô T ngồi chờ sẵn trong xe và đi về quán cầm đồ biển hiệu “Huy V”.

Tại kết luận định giá tài sản số 23/2018/KL-ĐGTS ngày 25/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ba Vì kết luận: Chiếc xe mô tô có BKS 29V1-085.84, có số máy: 0684636, số khung: 647256 trị giá 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*).

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Phan Quý Đ đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 28/11/2018 cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Ba Vì ra Quyết định truy nã số 03/2018 đối với bị cáo Phan Quý Đ.

Ngày 24/5/2019 bị cáo Phan Quý Đ đến cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Ba Vì để đầu thú. Tại cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Ba Vì, bị cáo Phan Quý Đ đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và nhận số tiền 50.000.000đ là tiền bồi thường thiệt hại tinh thần. Bị hại không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, bị cáo Phan Quý Đ tiếp tục tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tinh thần thêm cho chị Nguyễn Thị C1 số tiền 3.000.000đ.

Tại bản cáo trạng trạng số 85/CT-VKS ngày 04/9/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì truy tố bị cáo Phan Quý Đ về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Quý Đ từ 42 đến 48 tháng tù. Về dân sự: Bị cáo Đăng đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 3.000.000đ bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần. Về vật chứng của vụ án đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm

số:14/2019/HSST ngày 19/3/2019 của TAND huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.
Miễn hình phạt tiền cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ba Vì, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phan Quý Đ đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại CQĐT, lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án. Như vậy HĐXX có đủ cơ sở để xác định: Xuất phát từ quan hệ cho vay tiền, do bị hại chị Nguyễn Thị C1 chậm thanh toán trả nợ gốc và lãi, ngày 07/5/2018 bị cáo Phan Quý Đ đã cùng Phan Anh V, Phan Quang H2 và anh Nguyễn Hữu T cùng đi vào nhà chị C1 để đòi số tiền nợ. Tại đây V, H2 và bị cáo Đ2 đã dùng V lực, ép buộc bị hại phải đưa chìa khóa xe máy, nhằm chiếm đoạt chiếc xe máy của bị hại, chiếc xe máy các bị cáo đã chiếm đoạt được có nhãn hiệu Honda Lead màu vàng nhạt có BKS 29V1- 085.84 được hội đồng định giá trong tố tụng hình sự ngày 25/5/2018 kết luận định giá 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng). Như vậy HĐXX có đủ chứng cứ chứng minh hành vi dùng V lực, tay, chân tác động lên cơ thể bị hại, nhằm chiếm đoạt tài sản, tài sản đã chiếm đoạt được là chiếc xe máy, hành vi của bị cáo Đ2, cùng với V, Huy đã thực hiện ngày 07/5/2018 đã cấu thành tội “ Cướp tài sản” tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1,

Điều 168 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Do vậy việc truy tố để xét xử bị cáo ra trước Tòa án của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến sức khỏe và tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự trị an toàn xã hội, do vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi của bị cáo đã thực hiện mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này có đồng phạm, tuy nhiên chỉ ở mức độ giản đơn, các bị cáo có bàn bạc thống nhất đến nhà bị hại đòi nợ tiền nhưng các bị cáo không có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng, cụ thể, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Phan Quý Đ tham gia với vai trò giúp sức, các bị cáo trực tiếp dùng V lực như dùng tay, chân tác động lên người bị hại, ép buộc bị hại phải đưa chìa khóa chiếc xe máy và đã chiếm đoạt được chiếc xe máy, do vậy các bị cáo có vai trò ngang nhau trong vụ án.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phan Quý Đ có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại bản án HSST số 16/2015/HSST ngày 06/02/2015 TAND huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội “Giao cấu với trẻ em”, bị cáo chưa được xóa án tích, lại tiếp tục phạm tội.

Xét tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phan Quý Đ đã thành khẩn khai nhận tội, bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi đã thực hiện, bị cáo Đăng đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, bị cáo Đ biết hối lỗi về hành vi của mình đã thực hiện và ra đầu thú, do vậy bị cáo Đ được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Qua phân tích, nhận định nêu trên, HĐXX xét thấy đối với bị cáo Phan Quý Đ, mặc dù có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi đã thực hiện, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả về

tổn thất tinh thần cho bị hại, nhưng bị cáo Phan Quý Đ là người có nhân thân xấu, có 01 tiền án. Tại bản án HSST số 16/2015/HSST ngày 06/02/2015 TAND huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội “Giao cấu với trẻ em”, mới đi chấp hành án về địa phương được một thời gian lại tiếp tục phạm tội, bị cáo chưa được xóa án tích, lần phạm tội này được xác định là tái phạm, do vậy cần thiết phải áp dụng Điều 38 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời gian nhất định, mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội, nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tại khoản 6 Điều 168 BLHS quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đ đến 100.000.000 đ, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, xét thấy điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo còn trẻ, đều không có công ăn việc làm, không có thu nhập, sống phụ thuộc vào gia đình, do vậy HĐXX miễn hình phạt tiền cho các bị cáo.

Đối với các bị cáo Phan Anh V, Phan Quang H2 đã được xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm số:14/2019/HSST ngày 19/3/2019 của TAND huyện Ba Vì, Tp Hà Nội.

Về dân sự : Bị hại đã nhận lại tài sản và nhận số tiền 50.000.000đ là tiền bồi thường thiệt hại tinh thần. Bị hại không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự. Vấn đề bồi thường dân sự đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số:14/2019/HSST ngày 19/3/2019 của TAND huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, bị cáo Phan Quý Đ tiếp tục tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tinh thần thêm cho chị Nguyễn Thị C1 số tiền 3.000.000đ, do vậy HĐXX ghi nhận sự tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả của bị cáo đối với bị hại.

Về vật chứng: Đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số:14/2019/HSST ngày 19/3/2019 của TAND huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Xử: Tuyên bố bị cáo **Phan Quý Đ** phạm tội “ Cướp tài sản”.

2/ Áp dụng: Khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt: Bị cáo **Phan Quý Đ: 38 (Ba mươi tám)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, 24/5/2019.

3/ Về dân sự: Áp dụng Điều 584; 585; 590 Bộ luật dân sự 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Phan Quý Đ về khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tinh thần số tiền 3.000.000đ (*Ba Triệu đồng*) cho chị Nguyễn Thị C1. (đã tự nguyện nộp tiền theo biên lai thu số 0008465 ngày 27/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội).

4/ Án phí: Áp dụng : Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phan Quý Đ phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều Điều 331 BLTTHS năm 2015.

Bị cáo Phan Quý Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Nguyễn Thị C1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Ông Phan Văn H1 có quyền kháng cáo về phần có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hà Nội;
- Viện KSND huyện Ba Vì;
- Công an huyện Ba Vì;
- Chi cục thi hành án huyện Ba Vì;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phúc Thịnh

